

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Dự thảo

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết thi hành Nghị quyết của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13 và Luật số 71/2014/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số .../2020/QH14 về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành Nghị quyết của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số.../2020/QH14.

Điều 2. Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

a) Tổng doanh thu năm 2020 làm căn cứ xác định đối tượng áp dụng được giảm thuế theo quy định tại khoản này là tổng doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong năm 2020 của doanh nghiệp.

Trường hợp doanh nghiệp mới thành lập trong năm 2020 không đủ 12 tháng thì tổng doanh thu năm 2020 được xác định bằng doanh thu thực tế của năm 2020 chia (:) cho số tháng doanh nghiệp thực tế hoạt động sản xuất kinh

doanh trong năm 2020 sau đó nhân (x) với 12 tháng. Trường hợp doanh nghiệp thành lập mới trong tháng thì tháng thành lập được tính đủ tháng.

b) Doanh nghiệp tự xác định doanh thu bình quân tháng. Trường hợp doanh thu bình quân tháng không quá 16.67 tỷ đồng thì doanh nghiệp thực hiện tạm tính theo quý số thuế mà doanh nghiệp phải nộp theo quy định, sau đó tạm nộp số thuế thu nhập doanh nghiệp của quý sau khi đã giảm 30% số thuế tạm tính.

c) Kết thúc kỳ tính thuế năm 2020, trường hợp tổng doanh thu năm 2020 của doanh nghiệp không quá 200 tỷ đồng thì doanh nghiệp thực hiện kê khai giảm thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2020 khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.

Trường hợp doanh nghiệp mới thành lập trong 3 tháng cuối năm 2019 và đã đăng ký xác định kỳ tính thuế năm đầu tiên sang kỳ tính thuế năm 2020 bao gồm các tháng mới thành lập trong năm 2019 thì thu nhập doanh nghiệp làm căn cứ xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo quy định tại khoản này không bao gồm phần thu nhập phát sinh trong năm 2019.

Trường hợp doanh nghiệp mới thành lập trong 3 tháng cuối năm 2020 và đăng ký xác định kỳ tính thuế năm đầu tiên là năm 2021 bao gồm các tháng mới thành lập trong năm 2020 thì thu nhập doanh nghiệp làm căn cứ xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo quy định tại khoản này chỉ tính trên phần thu nhập phát sinh trong năm 2020.

d) Khi thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, trường hợp số thuế tạm tính giảm của các quý cao hơn số thực tế được giảm thì doanh nghiệp phải kê khai nộp bổ sung số tiền thuế còn thiếu và tiền chậm nộp theo quy định; trường hợp số thuế tạm tính giảm của các quý thấp hơn số thực tế được giảm thì cơ quan thuế xử lý số tiền thuế nộp thừa theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

2. Kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định theo năm dương lịch hoặc năm tài chính quy định tại Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Thủ tục giảm thuế

1. Doanh nghiệp tự xác định số thuế được giảm khi tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quý và quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020.

Khi lập tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020, doanh nghiệp sau khi xác định số tiền thuế được giảm theo quy định thì thực hiện ghi vào chỉ tiêu 9.2 - số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm không theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp của Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp nội dung “số tiền thuế được giảm kèm chú thích giảm 30% số thuế phải nộp năm 2020 theo quy định của Nghị quyết số .../2020/QH14 của Quốc hội”.

Mẫu Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo mẫu số 03/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

2. Cơ quan thuế không phải thông báo cho doanh nghiệp về việc chấp nhận giảm thuế. Trường hợp trong thời gian giảm thuế, cơ quan thuế có cơ sở xác định doanh nghiệp không thuộc đối tượng được giảm thuế thì cơ quan thuế có văn bản thông báo cho doanh nghiệp về việc không giảm thuế và doanh nghiệp phải nộp đủ số tiền thuế và tiền chậm nộp theo quy định vào ngân sách nhà nước.

Trường hợp sau khi hết thời gian giảm thuế, cơ quan thuế phát hiện qua thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp không thuộc đối tượng được giảm thuế theo quy định tại Nghị định này hoặc số thuế đã kê khai đề giảm lớn hơn số thuế được giảm theo quy định thì doanh nghiệp phải nộp lại số tiền thuế thiếu, tiền phạt và tiền chậm nộp do cơ quan thuế xác định lại vào ngân sách nhà nước.

Trường hợp sau khi hết thời gian giảm thuế, cơ quan thuế phát hiện qua thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp được giảm nhiều hơn số thuế đã kê khai giảm trước đó thì doanh nghiệp được khai bổ sung để tiếp tục hưởng số thuế được giảm theo mức mà cơ quan thuế xác định lại.

Điều 4. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc giao Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện.
3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các doanh nghiệp, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTT (5b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Xuân Phúc